

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 127/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 27 - 3 - 2023
V/v tranh chấp: “*Ly hôn*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lĩnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thùy Trang

Bà Nguyễn Thị Kiều Phương

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thơ, Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Minh Thanh, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình đã thụ lý số: 21/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2023 về việc tranh chấp “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/3/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thiên T, sinh năm 1985 (có mặt);

Địa chỉ: Số 11/11B, đường H, Phường 8, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân B, sinh năm 1986 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp D, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Bùi Thiên T trình bày:***

Về hôn nhân: Chị T và anh Nguyễn Xuân B cưới nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 8, thành phố M, tỉnh Tiền Giang vào ngày 09/01/2009. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó không còn hạnh phúc do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau, không thể hòa hợp. Chị T và anh B đã nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không đạt được kết quả. Mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng, anh B về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ tháng 7/2022 nên vợ chồng đã đã sống ly thân từ thời điểm đó cho đến nay. Hiện cuộc

sống tự ai nấy lo, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh B.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Nguyễn Xuân S, sinh ngày 12/8/2009 hiện đang sống cùng chị T. Chị T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu S, yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đồng cho đến khi cháu S đủ 18 tuổi, lao động được.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh Nguyễn Xuân B trình bày:*

Về hôn nhân: Anh B thống nhất với chị T về thời gian kết hôn. Tuy nhiên, quá trình chung sống giữa anh B và chị T không xảy ra mâu thuẫn nào trầm trọng để dẫn đến vợ chồng phải ly hôn. Khi biết chị T khởi kiện yêu cầu ly hôn, anh B đã cố gắng thuyết phục chị T nhưng không được. Anh B không đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Nguyễn Xuân S, sinh ngày 12/8/2009 hiện đang sống cùng chị T. Nếu Tòa xử cho ly hôn, anh B đồng ý giao con cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đồng cho đến khi cháu S đủ 18 tuổi, lao động được.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Về nội dung vụ án đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Về hôn nhân: Cho chị Bùi Thiên T ly hôn với anh Nguyễn Xuân B; Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Xuân S, sinh ngày 12/8/2009 cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng, anh B cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đồng cho đến khi cháu S đủ 18 tuổi, lao động được; Về tài sản chung, nợ chung: không có, nên không xem xét giải quyết;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án; Sự có mặt, vắng mặt đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thiên T thì vụ án thuộc quan hệ pháp luật tranh chấp “Ly hôn” được quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Bị đơn cư trú

tại ấp D, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang nên căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo;

[1.2] Các đương sự có mặt nên phiên tòa sơ thẩm vẫn tiến hành xét xử theo quy định.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thiên T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Về hôn nhân: Chị T và anh Nguyễn Xuân B cưới nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 8, thành phố M, tỉnh Tiền Giang vào ngày 09/01/2009. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó không còn hạnh phúc do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau, không thể hòa hợp. Chị T và anh B đã nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không đạt được kết quả. Mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng, anh B về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ tháng 7/2022 nên vợ chồng đã sống ly thân từ thời điểm đó cho đến nay. Hiện chị T không còn tình cảm với anh B và cuộc sống tự ai nấy lo, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh B; anh B cho rằng, những mâu thuẫn giữa anh và chị T chỉ là những mâu thuẫn nhỏ hàng ngày, không trầm trọng để dẫn đến ly hôn. Sau khi chị T nộp đơn xin ly hôn, anh B cũng đã cố gắng thuyết phục chị T để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị T không đồng ý. Tại phiên tòa chị T vẫn kiên quyết xin được ly hôn với anh B. Nên dù có tiếp tục kéo dài mối quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh B thì mục đích hôn nhân giữa hai người cũng không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị T là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị T và anh B thống nhất khai trong thời gian sống chung, anh chị có một con chung là cháu Nguyễn Xuân S, sinh ngày 12/8/2009. Chị T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu S, yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đồng cho đến khi cháu S đủ 18 tuổi, lao động được; Anh B đồng ý giao cháu S cho chị T chăm sóc nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đồng cho đến khi cháu S đủ 18 tuổi, lao động được. Hơn nữa tại Bản tự khai đề ngày 23/11/2022, cháu Nguyễn Xuân S thể hiện có nguyện vọng được sống với chị T, nên cần tôn trọng ý kiến của cháu S.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị T, cho nên cần giao cháu Nguyễn Xuân S, sinh ngày 12/8/2009 cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng; anh B cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đồng cho đến khi cháu S đủ 18 tuổi, lao động được.

[2.3] Về tài sản chung: Chị T và anh B thống nhất khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Chị T và anh B thống nhất khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Bùi Thiên T phải chịu 300.000 án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, anh Nguyễn Xuân B phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

[4] Xét ý kiến và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo là đúng quy định pháp luật và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ các điều 28, 35, 92, 147, Điều 220, 227, 235 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Khoản 5, Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Xử: 1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Bùi Thiên T.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Bùi Thiên T được ly hôn với anh Nguyễn Xuân B.

1.2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Xuân S, sinh ngày 12/8/2009 cho chị Bùi Thiên T chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Xuân B phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) cho đến khi cháu Nguyễn Xuân S đủ 18 tuổi, lao động được. Thời gian cấp dưỡng nuôi con khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Anh B được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Kể từ ngày chị Bùi Thiên T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Nguyễn Xuân B chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

1.3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Bùi Thiên T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số

tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp là 300.000 theo biên lai thu số 0025528 ngày 28/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang, nên xem như chị T đã nộp xong;

Anh Nguyễn Xuân B phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự được quyền kháng cáo đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- Các đương sự;
- UBND Phường 8, TP. M, TG;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Lê Thị Lĩnh

